

jīe	dài																		
扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌

to receive (visitors); reception desk

rén	yuán																		
人	人																		
人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人	人

staff

fáng	jiān																		
户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户
户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户	户

room

dān	rén	jiān																	
单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单
单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单	单

single-person room (at a hotel)

hái	shì																		
一	丿	丌	丌	不	不	还	还												
丨	冂	日	日	旦	早	早	是	是											

or

shuāng	rén	jiān																	
丿	又	双	双																
丿	人																		
丨	冂	门	门	间	间	间													

two-person room (at a hotel)

duō	shao	qián																	
丿	夕	夕	夕	多	多														
丨	小	小	少																
丿	丿	丿	丿	钅	钅	钅	钱	钱	钱										

how much money

sì																			
丨	冂	四	四	四	四														

four

dēng	jì	biǎo													
丿	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇	㇇
丶	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠
一	二	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰	丰

registration form

yào	shì														
丿	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
丨	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫

key

zǎo	fàn														
丨	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫
ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ

breakfast

cóng															
ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ

from

dào																			
一	丿	乙	乚	至	至	至	到												

to arrive at (a place); to (a place)

cháng	chéng																		
丿	一	长	长																
一	十	土	土	圻	圻	城	城	城											

the Great Wall of China

fàn	diàn																		
ノ	ノ	个	个	饭	饭														
、	一	广	广	店	店														

restaurant

dìng																			
、	讠	讠	订																

to reserve (a room); to make a reservation; to agree

hào																			
丨	冫	口	号																

number

lí	kāi													
丶	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一
一	二	开	开											

to depart

yí	gòng													
一														
一	十	廿	卅	共	共									

altogether

zěn	me													
丿	一	个	个	个	个	个	个	个	个	个	个	个	个	个
丿	么	么												

how?

shōu	fèi													
丿	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨
一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一

to charge a fee

měi	tiān																		
丿	一	亅	每	每	每	每													
一	二	𠄎	天																

every day

bāo	kuò																		
丿	勹	勹	勹	包															
一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	括	括											

to comprise; to include

bāo																			
丿	勹	勹	勹	包															

to cover; to include (for example, to include services for a set fee)

wú	xiàn	wǎng																	
一	二	𠄎	无																
勹	纟	纟	纟	纟	纟	线	线	线											
丨	冂	冂	网	网	网														

wireless internet

ba																			
丨	丩	口	口	𠃉	𠃉	𠃉	吧												

(modal particle indicating suggestion or surmise)

wǎng	shàng																		
丨	冂	冂	网	网	网														
丨	丨	上																	

online

de																			
'	丨	白	白	白	白	的	的												

of; particle indicating belonging or linking noun phrases

néng																			
厶	厶	冂	冂	冂	冂	冂	能	能	能										

can; to be physically able to

kàn																			
一	二	三	手	手	看	看	看	看											

to see

shēn	fèn	zhèng																	
丿	丨	自	自	自	身	身													
ノ	八	分	分																
丶	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠												

identity card

fáng	kǎ																		
丶	讠	讠	户	户	户	房	房												
丨	丨	上	卡	卡															

room card (in a hotel); key card

céng																			
讠	讠	尸	尸	层	层														

layer

diàn	tī																		
丨	冂	冂	电																
一	十	才	才	才	才	才	才	梯	梯										

elevator; escalator

zuǒ	bian																
一	ナ	左	左	左													
丁	力	力	边	边													

left; lefthand side

kōng	tiáo																
、	八	宀	宀	宀	空	空	空										
、	讠	讠	调	调	调	调	调	调	调	调							

air conditioning

huài																	
一	十	土	土	坏	坏	坏											

broken; bad

le																	
一	了																

(modal particle intensifying preceding clause)

duì	b	qǐ																	
フ	又	又	对	对															
一	フ	不	不																
一	十	土	丰	丰	丰	走	走	起	起										

sorry; unworthy; literally "facing (you I can) not rise"

mǎ	shàng																		
フ	马	马																	
丨	丨	上																	

at once; immediately

zhǎo																			
一	丨	才	扌	找	找	找													

to try to find; to look for

rén																			
人	人																		

person; man; someone

q																			
一	十	土	去	去															

to go; to go to (someplace)

jì	cún													
丶	亠	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀	寄				
一	ナ	才	宀	存	存									

to deposit; to check (luggage or belongings)

xíng	lǐ													
丿	彳	彳	彳	行	行									
一	十	木	木	李	李									

luggage

cún														
一	ナ	才	宀	存	存									

to exist

xiǎo	shí													
丿	小	小												
丨	日	日	日	日	时	时								

hour

zuǒ	yòu																		
一	ナ	左	左	左															
一	ナ	右	右	右															

approximately; literally "left and right"

wǎn	shang																		
丨	冂	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日
丨	丨	上																	

evening

li																			
丶	一	六	六																

six

huí																			
丨	冂	冂	冂	冂	冂														

to return; to come back

qǔ																			
一	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂

to retrieve; to take; to pick up

Please fill in the missing strokes.

jiē	dài	rén	yuán	fáng	jiān	dān	rén	jiān	hái
妾	寺		贝	方	日	卑		日	不

shì	shuāng	rén	jiān	duō	shào	qián	sì	bǎi
疋	又		日	夕	ノ	戔	儿	一

kuài	qián	zhù	tián	dēng	jì	biǎo	yào	shì
夬	戔	主	真	豆	己	丰	月	是

zǎo	fàn	cóng	dào	cháng	chéng	fàn	diàn	dìng
十	反	人	至		成	反	占	丁

hào	lí	kāi	yí	gòng	zěn	me	shōu	fèi
万	函	一		卅	乍	厶	巾	弗

měi	tiān	bāo	kuò	bāo	wú	xiàn	wǎng	ba
乇	一	巳	舌	巳		戔		巴

wǎng	shàng	de	néng	kàn	shēn	fèn	zhèng	fáng
	卜	勺	能	尹		八	正	方

kǎ	céng	diàn	tī	zuǒ	bian	kōng	tiáo	huài
上	云	乚	弟	大	力	工	周	不

le	duì	bù	qǐ	mǎ	shàng	zhǎo	rén	qù
丿	又	丩	己		卜	戈		土

xiū	tui	fáng	xin	yòng	kǎ	fā	piào	ji	cún
修	艮	方	言		上	少	西	奇	才

xíng	li	cún	xiǎo	shí	zuǒ	yòu	wǎn	shang
	子	才		寸	大	大	兔	卜

liù
六

huí
回

qǐ
耳

xíng lǐ pái
行 子 卑

ér
兒